

Bản án số: 189/2019/DS-PT

Ngày 15 - 10 - 2019

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn**

Ông **Trương Công Thi**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Bà **Bùi Thị Dung**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 226/2019/QĐ-PT ngày 25/03/2019, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Ông **T Hillenbrand**, sinh năm 1967; Quốc tịch: Đức.

Địa chỉ thường trú: 22844 Norderstedt, Đức;

Hiện đang lưu trú du lịch tại: Horizon 2 Villa, 20-22 đường H3, phường T1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- ***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông **Nguyễn Xuân B**, sinh năm 1984; có mặt.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T Hillenbrand ông Phan Công H, sinh năm 1976 là Luật sư Văn phòng Luật sư Đ, vắng mặt.

* ***Bị đơn:*** Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1988; Vắng mặt.

Địa chỉ: 15/21 Nguyễn Hoàng, tổ 36, khối Đ, phường M, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam.

- Người kháng cáo: người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn

Xuân B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2018, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông T Hillenbrand và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 04/4/2017, ông T gặp bà Bùi Thị N và sau đó bà N đã chủ động mời ông T cùng góp tiền để hợp tác kinh doanh Spa. Tin lời bà N, ông T đã chuyển tiền vào tài khoản của bà N 2 lần và giao cho bà nhiều lần bằng tiền mặt với tổng số tiền là 386.000.000 đồng để xây dựng và mua sắm spa D (nay đổi tên là B1 spa, địa chỉ 87 Đường B2, phường C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam). Cụ thể:

+ Lần 1: Vào ngày 10/6/2017, bà N yêu cầu ông T trả số tiền 60.000.000 đồng đặt cọc cho bà Nguyễn Thị H2 - là chủ cũ của D Spa.

+ Lần 2: Vào ngày 13/6/2017, bà N yêu cầu ông T chuyển 10.000 euro, tương đương 254.000.000 đồng vào tài khoản cho bà N và ông T đã chuyển. Sau đó bà N có đưa lại cho ông T số tiền 30.000.000 đồng, vậy bà N đã nhận của ông T số tiền trong lần chuyển tiền này là 224.000.000 đồng.

+ Lần 3: Vào ngày 11/7/2017, bà N yêu cầu ông T chuyển 4.000 euro, tương đương 102.000.000 đồng vào tài khoản cho bà và ông T đã chuyển.

Tổng cộng bà N đã lấy của ông T số tiền là 386.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi sáu triệu đồng). Tất cả những lần chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của bà N đến nay ông T vẫn còn giữ lệnh chuyển tiền từ tài khoản của ông T, cũng như các hóa đơn mua sắm do bà N viết.

Sau khi bà N lấy được tiền của ông T và thuê được mặt bằng, mua sắm đầy đủ thiết bị cho Spa thì bà N bội tín, không cho ông T hợp tác nữa, cắt đứt liên lạc với ông T. Đã nhiều lần ông T đề nghị bà giải thích lý do nếu không cho ông T hợp tác làm ăn nữa thì phải trả tiền lại cho ông T nhưng bà N không trả và luôn tìm cách né tránh.

Sau khi không thể tự mình yêu cầu bà N trả lại tiền, ông T đã gửi đơn nhờ Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam can thiệp. Vào ngày 16/3/2018, Phòng PC 44 Công an tỉnh Quảng Nam đã làm việc với bà N và ngày 17/4/2018 ông T và bà N đã gặp và làm việc tại Công an tỉnh Quảng Nam, tại đây bà N cũng đã thừa nhận là có nhận của ông T số tiền là 386.000.000 đồng để dùng vào việc thuê mặt bằng và mua sắm trang thiết bị cho B1 Spa, tại địa chỉ 87 Đường B2, phường C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam. Ngày 04/05/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đã ban hành thông báo với kết luận là bà N có nhận của ông T số tiền là 386.000.000 đồng.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị N phải trả lại cho ông T toàn bộ số tiền là 386.000.000 đồng và lãi suất chậm trả từ ngày 01/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/11/2018 với số tiền là 28.834.200đ.

Bị đơn bà Bùi Thị N mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến Tòa án

cũng như được Tòa án ủy thác để lấy lời khai nhưng vẫn cố tình không đến Tòa làm việc. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/11/2018, bà Bùi Thị N cho rằng do bà và ông T có quan hệ yêu đương nam nữ nên ông T đã tự nguyện cho bà số tiền 386.000.000 đồng, chứ bà không vay mượn hay hợp tác kinh doanh gì với ông T nên ông T yêu cầu bà trả lại số tiền trên bà không đồng ý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm: Giữa ông T và bà N từ quan hệ quen biết dẫn đến hợp tác kinh doanh, ông T chuyển tiền cho bà N nhiều lần, chứ không chỉ 386.000.000đ. Sau khi góp tiền thì bà N không cho hợp tác kinh doanh nên ông T yêu cầu bà N trả lại. Bà N nói ông T cho tiền bà N nhưng không có văn bản tặng cho là có cơ sở, bà N thừa nhận lời nói trong đoạn ghi âm là của mình và số tiền 386.000.000đ đã nhận từ ông T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà N phải trả lại cho ông T số tiền này.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 56/2018/DS-ST ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 37, 70, 72, 91, 92, 95 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 03, 118, 457, 458 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của T Hillenbrand về việc buộc bà Bùi Thị N phải trả cho ông T Hillenbrand số tiền là 386.000.000đ và lãi suất của số tiền 386.000.000đ là 28.834.200đ. Tổng cộng là: 414.834.200đ. (Bốn trăm mười bốn triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm đồng)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 12-12-2018, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn Xuân B kháng cáo toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số 56/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông T Hillenbrand (viết tắt T) ông Nguyễn Xuân B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Việc ông T đã chuyển tiền cho bà Bùi Thị N để cùng chung nhau mở Spa là có thật và ông B xuất trình các bản dịch từ tiếng Đức sang tiếng Việt các phiếu chuyển tiền, và bà N cũng đã thừa nhận có nhận tiền của ông T 386 triệu, việc kinh doanh Spa hai bên hợp tác bằng miệng và có cam kết lợi nhuận được chia đôi, tuy nhiên sau khi đã chuyển tiền bà N đã sắm các vật dụng thiết bị để thực hiện kinh doanh, ông T có đến lau chùi các thiết bị nhưng sau đó bà N không cho ông T đến nữa, do đó ông T khởi kiện đòi lại số tiền đã đóng góp mở Spa cho bà N, Tòa án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là không đúng đề nghị Tòa phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm buộc bà N phải trả cho ông T số tiền 386 triệu và tiền lãi 28 triệu tổng cộng 414 triệu, buộc bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T Luật sư Phan Công Hùng trình bày tại quan điểm bảo vệ quyền lợi như sau: Đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản

án sơ thẩm buộc bà N phải trả cho ông T số tiền 386 triệu và tiền lãi 28.834.000 đồng tổng cộng 414.834.000 đồng

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về chấp hành pháp luật: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của BLTTDS; đối với bị đơn bà Bùi Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, người bảo vệ cho nguyên đơn vắng mặt nhưng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn, do vậy đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử. Về nội dung: Ông T và bà N có mối quan hệ yêu đương nam nữ, bà N thừa nhận có nhận tiền của ông T nhưng do ông T cho, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quang Nam cũng đã có kết luận về việc này; ông T khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền 386 triệu và tiền lãi từ việc chung kinh doanh Spa nhưng Ông không chứng minh được việc kinh doanh cụ thể như thế nào, lãi lỗ ra sao, số tiền ông chuyển cho bà N mua thiết bị kinh doanh đến nay còn hay đã mất, do đó Tòa án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đề nghị tòa án căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS bác khangs áo của người đại diện theo ủy quyền của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Nguyễn Xuân B là người đại diện theo ủy quyền của ông T Hillenbrand (viết tắt T) hợp lệ theo quy định tại Điều 271,272, 273 BLTTDS được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét. Bà Bùi Thị N đã được Tòa án phúc thẩm tổng đạt giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng điều vắng mặt, ông Phan Công H vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; căn cứ vào Điều 296 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà Bùi Thị N.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn Xuân B, thấy: Ông T kiện đòi bà Bùi Thị N số tiền 386.000.000,đ (Ba trăm tám mươi sáu triệu đồng), Ông cho rằng đó là tiền Ông góp vốn hợp tác kinh doanh Spa với bà N nhưng do bà Nhưng bội tín không cho Ông hợp tác kinh doanh nữa, nên Ông yêu cầu bà N phải trả lại; bà N cho rằng số tiền trên là do ông T cho Bà trong thời gian hai người có quan hệ yêu đương nam nữ vì vậy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Xét thấy: Trước khi khởi kiện đến Tòa án ông T đã có đơn tố giác bà N, tại Kết luận xác minh số 04/KLXM-PC44 ngày 4/5/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra tỉnh Quảng Nam đã kết luận: “ Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có đủ cơ sở xác định: Bà Bùi Thị N và ông T Hillenbrand có mối quan hệ quen biết, yêu đương nam nữ với nhau nên ông T đã tự nguyện đưa cho bà Bùi Thị N số tiền 386.000.000, đồng chứ bà N không có dùng thủ đoạn để chiếm đoạt số tiền trên”(BL32) kết luận này phù hợp với lời khai của bà N. Mặt khác, ông T cho rằng số tiền ông chuyển cho bà N (386 triệu) dùng để góp vốn làm chung kinh doanh Spa,

do bà N từ chối không cho Ông làm chung nữa nên Ông kiện đòi; tuy nhiên ông T và người đại diện theo ủy quyền của Ông không chứng minh được việc kinh doanh Spa thực tế lãi lỗ như thế nào, số tiền đã đầu tư vào mua thiết bị là bao nhiêu và giá trị còn lại thế nào; bà N không thừa nhận, Ông T không có chứng cứ gì để chứng minh việc bà N có kinh doanh hợp tác Spa với Ông.

[3]Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu của ông T là có căn cứ. Tại Tòa án cấp phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ông T kháng cáo nhưng cũng không cung cấp chứng cứ nào mới khác để xem xét; do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ông T Hillenbrand phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là: 300.000,đ(Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn Ba đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000219 ngày 13/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ba là người đại diện theo ủy quyền của ông T Hillenbrand, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 56/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể:

Căn cứ vào các Điều 26, 37, 70, 72, 91, 92, 95 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 03, 118, 457, 458 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T Hillenbrand về việc buộc bà Bùi Thị N phải trả cho ông T Hillenbrand số tiền là 386.000.000 đồng và lãi suất của số tiền 386.000.000 đồng là 28.834.200 đồng. Tổng cộng là: 414.834.200 đồng. (Bốn trăm mười bốn triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T Hillenbrand phải chịu là 20.593.000,đ(Hai mươi triệu, năm trăm chín mươi ba ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 9.650.000 đồng mà Ông đã nộp theo Biên lai thu số 0000156 ngày 19/7/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam, ông T Hillenbrand còn phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là:10.943.000 đồng (Mười triệu, chín trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm ông T Hillenbrand phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000219 ngày 13/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. Ông T Hillenbrand đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn